



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Logistics kinh doanh quốc tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	01	1	7,9	01	AK	le?
2	000002	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	01	2	7,9	01	A	chấn
3	000003	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	01	3	8,5	01	Anh	le?
4	000004	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	01	4	8,0	01	ĐE	chấn
5	000005	1101080510	Phạm Hải	Đặng	23/02/2005	TM11A	01	5	7,6	01	Đặng	le?
6	000006	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	01	6	9,0	02	Đuyên	chấn
7	000007	1101081101	Lê Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	01	7	9,0	01	Hà	le?
8	000008	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	01	8	9,0	02	Hà	chấn
9	000009	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	01	9	6,4	01	Hằng	le?
10	000010	1101080398	Đỗ Quốc	Hiếu	23/11/2005	TM11A	01	10	7,4	01	Hiếu	chấn
11	000011	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	01	11	5,8	01	Huyền	le?
12	000012	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	01	12	7,5	01	Huyền	chấn
13	000013	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	01	13	6,3	01	le	le?
14	000014	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	01	14	8,7	01	linh	chấn
15	000015	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	01	15	6,3	01	linh	le?
16	000016	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	01	16	8,7	02	Linh	chấn
17	000017	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	01	17	8,6	01	linh	le?
18	000018	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	28/08/2005	TM11A	01	18	8,2	02	khánh	chấn
19	000019	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	01	19	6,4	01	linh	le?
20	000020	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	01	20	8,8	01	ly	chấn
21	000021	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	01	21	6,6	01	Mai	le?
22	000022	1101080416	Nguyễn Thị Tô	Quyên	01/01/2005	TM11A	01	22	9,4	01	Quyên	chấn
23	000023	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	01	23	7,8	01	Quỳnh	le?
24	000024	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	01	24	9,2	01	Thái	chấn
25	000025	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	01	25	7,6	01	Thành	le?
26	000026	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	01	26	9,0	01	Thùy	chấn
27	000027	1101080421	Nguyễn Văn	Tới	30/10/2005	TM11A	01	27	5,8	01	Tới	le?
28	000028	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	01	28	9,0	01	Trang	chấn
29	000029	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	01	29	7,3	01	Trang	le?
30	000030	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	01	30	8,7	1	Trung	chấn
31	000031	1101081406	Dương Minh	Tuấn	28/11/2005	TM11A	01	31	6,5	01	Tuấn	Đi Ló
32	000032	1101080758	Ngô Thị	Yên	09/09/2005	TM11A	01	33	9,4	02	Yên	Đi Ló

Tổng số sinh viên dự thi: 32
 Tổng số tờ giấy thi: 37
 Tổng số biên bản: 2

Ngày 19 tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Bùi Thị Yên Đỗ Thị Thanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026
(Thi ghép do hoãn thi học kỳ)**

Học phần: Logistics kinh doanh quốc tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000033	0901080023	Trần Đức	Lực	6/27/2003	TM10A	01	32	6,0	01	Lực	Đề lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: *01*

Tổng số tờ giấy thi: *01*

Tổng số biên bản: *01*

Ngày *19* tháng *06* Năm *2026* *ul*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Bps
Bùi Thị Lan

tho
Đỗ Thị Hoàn